

Số: /BC-SGDĐT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước

Tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên trên 21.576 km², là tỉnh có diện tích lớn thứ hai cả nước; gồm 135 đơn vị hành chính cấp xã (110 xã, 25 phường), trong đó có 30 xã, phường trọng điểm về quốc phòng, an ninh. Tỉnh nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ, có hơn 80 km đường biên giới giáp Vương quốc Campuchia. Quy mô dân số hơn 3,5 triệu người, với 47 dân tộc cùng sinh sống; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 22,7%, chủ yếu là các dân tộc Jrai, Bahnar.

Theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh, toàn tỉnh có 1.751 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó 608 thôn đặc biệt khó khăn; 93 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 07 xã khu vực I, 13 xã khu vực II và 73 xã khu vực III giai đoạn 2026-2030.

Trong những năm qua, giáo dục vùng DTTS và miền núi luôn được Đảng, Nhà nước và tỉnh Gia Lai quan tâm chỉ đạo, đầu tư nhằm nâng cao dân trí, ổn định chính trị và bảo đảm an ninh quốc phòng.

Chất lượng giáo dục, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh ở các trường PTDTNT có nhiều chuyển biến tích cực và ổn định, tỷ lệ học sinh giỏi là người đồng bào DTTS có nhiều chuyển biến rõ nét tăng lên hàng năm. Đặc biệt 03 trường PTDTNT THPT, trong những năm học gần đây tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt 100% và số học sinh trúng tuyển vào đại học, cao đẳng hơn 80%. Có thể nói chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT, các trường PTDTBT đã đem lại lợi ích thiết thực, tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho

tỉnh Gia Lai đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, bổ sung đội ngũ cán bộ người đồng bào DTTS có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia cho vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh.

Đối với giáo dục mầm non và tiểu học, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện học tập, chăm sóc và nuôi dưỡng. Nhiều trẻ em sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn; điều kiện kinh tế gia đình còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động trẻ đến trường, duy trì sĩ số và bảo đảm chất lượng chăm sóc, giáo dục.

Cấp học mầm non, nhu cầu hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là rất cần thiết nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, bảo đảm dinh dưỡng, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, tạo điều kiện để trẻ được chăm sóc, giáo dục trong môi trường an toàn, phù hợp với yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Cấp phổ thông, nhiều học sinh là người dân tộc thiểu số phải đi học xa nhà, điều kiện sinh hoạt và học tập còn thiếu thốn; một số học sinh thuộc diện khó khăn thực tế nhưng chưa thuộc nhóm đối tượng được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ hiện hành. Điều này ảnh hưởng đến việc duy trì sĩ số, chất lượng giáo dục và hiệu quả thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chính sách hỗ trợ cho người DTTS hiện nay được triển khai trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến công tác dân tộc, coi đây là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, đồng thời là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nhằm bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và cùng phát triển giữa các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Trong quá trình phát triển đất nước, vùng đồng bào DTTS và miền núi luôn giữ vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đời sống của một bộ phận người dân chưa ổn định.

Trong những năm qua, Trung ương Đảng đã ban hành nhiều chủ trương lớn như Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện công tác dân tộc trong tình hình mới, Nghị quyết Đại hội XIII xác định ưu tiên đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS và miền núi, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng. Đây là định hướng chính trị quan trọng để xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ người DTTS trong giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ đồng bào DTTS trên các lĩnh vực như giáo dục, y tế, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo tồn văn hóa và phát triển hạ tầng. Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 là chương trình tổng

thể, toàn diện và có quy mô lớn nhất từ trước đến nay dành cho khu vực này. Chương trình tập trung giải quyết những vấn đề căn bản, cấp thiết và lâu dài, tạo điều kiện để người DTTS phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS ngày càng cấp thiết. Lao động giản đơn dần thu hẹp, trong khi thị trường lao động đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và khả năng thích ứng cao hơn. Vì vậy, việc hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề và tạo việc làm cho thanh niên DTTS trở thành giải pháp trọng tâm để giúp người dân thoát nghèo bền vững, nâng cao thu nhập và từng bước tham gia vào chuỗi giá trị kinh tế mới.

Tỉnh Gia Lai là địa phương có nhiều xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, điều kiện đi lại khó khăn, trình độ dân trí chưa đồng đều, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, tỷ lệ người đồng bào DTTS cao. Vì vậy, tỉnh đã và đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ về giáo dục, học nghề, sinh kế, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe và phát triển hạ tầng nhằm nâng cao đời sống đồng bào DTTS. Nổi bật là Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh. Theo đó, người DTTS tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng thuộc nhóm đối tượng được hưởng hỗ trợ, qua đó góp phần giảm bớt khó khăn về chi phí học tập, đi lại và khuyến khích tham gia học nghề.

Bên cạnh đó, các chính sách của Trung ương tiếp tục là nền tảng quan trọng để Gia Lai triển khai tại địa phương, như chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên; chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Các chính sách này tạo điều kiện để học sinh, sinh viên DTTS tiếp cận giáo dục nghề nghiệp thuận lợi hơn, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Kết quả, giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh Gia Lai có 17.702 người đồng bào DTTS thuộc đối tượng quy định của trung ương tham gia học nghề trình độ cao đẳng 1.213 người, trung cấp 2.570 người; mức hỗ trợ chi phí học tập gần 55 tỷ đồng, hỗ trợ tiền nội trú cho học sinh, sinh viên (vừa là DTTS, vừa là hộ nghèo, hộ cận nghèo) khoảng 48 tỷ đồng, hỗ trợ tiền ăn và đi lại khoảng 4,5 tỷ đồng.

Tuy nhiên, hiện nay chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên nội trú học cao đẳng, trung cấp nghề nghiệp là người DTTS không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi hoặc tốt nghiệp tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú chưa được Trung ương quy định mức hỗ trợ. Do đó, chưa có tính bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các nhóm người học. Điều này dẫn đến chênh lệch trong cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp giữa các nhóm có điều kiện thực tế tương đồng. Việc ban hành quy định pháp luật mới sẽ góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công bằng trong thụ hưởng chính sách.

Việc xây dựng chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương trong giai đoạn mới.

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Trong thời gian qua, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, cụ thể:

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới¹.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc Tây Nguyên”.

¹ Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2025-2030.

- Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

- Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030”.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Quan hệ xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh liên quan đến chính sách

1.1. Chính sách: Hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/tháng.

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục mầm non vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngành Giáo dục đã triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ thuộc các đối tượng: trẻ em thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mức hỗ trợ thực hiện là 160.000 đồng/trẻ/tháng, góp phần hỗ trợ chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; giảm bớt khó khăn cho phụ huynh, đặc biệt đối với các gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

Việc triển khai chính sách đã tạo điều kiện thuận lợi để huy động trẻ nhà trẻ ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần, hạn chế tình trạng trẻ suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em mầm non. Đồng thời, chính sách còn thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác bảo đảm an sinh xã hội, công bằng trong tiếp cận giáo dục đối với trẻ em ở vùng khó khăn.

1.2. Chính sách: Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường PTDT bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/tháng.

Thực tế hiện nay, tỉnh Gia Lai có nhiều học sinh có nơi ở cách xa trường

học nhưng không thuộc diện được hưởng chính sách theo văn bản quy định hiện hành, đồng thời học sinh thường trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn, đời sống phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, thu nhập kinh tế bấp bênh, chưa đảm bảo điều kiện đầy đủ để cho con em tham gia học tập. Vì vậy cần có chính sách hỗ trợ một phần chi phí học tập cho đối tượng học sinh này.

Mức hỗ trợ được thực hiện là 700.000 đồng/học sinh/tháng, nhằm hỗ trợ điều kiện học tập, sinh hoạt cho học sinh bán trú; góp phần giảm bớt khó khăn cho gia đình, tạo điều kiện để học sinh được học tập ổn định, duy trì sĩ số và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học do điều kiện kinh tế hoặc khoảng cách địa lý.

Việc thực hiện chính sách đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều học sinh có điều kiện ăn ở, sinh hoạt tốt hơn tại trường, yên tâm học tập, tỷ lệ chuyên cần được nâng lên; đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền.

1.3. Chính sách: Hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường PTDTNT, trường PTDT bán trú: 240.000 đồng/tháng.

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai, hiện có 22 trường phổ thông dân tộc nội trú và 30 trường phổ thông dân tộc bán trú. Tuy nhiên với tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số cao, đặc biệt là đối với các địa bàn thuộc tỉnh Gia Lai cũ, vẫn còn nhiều học sinh dân tộc thiểu số mà bản thân hoặc bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhưng đang tham gia học tập tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường PTDTNT, trường PTDTBT. Nhóm học sinh này không thuộc diện được hưởng chính sách theo văn bản quy định hiện hành. Đồng bào DTTS sinh sống chủ yếu ở khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đời sống còn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, trình độ lao động chưa cao. Một bộ phận hộ gia đình có thu nhập bấp bênh, thiếu điều kiện tích lũy để đầu tư đầy đủ cho con em học tập. Vì vậy cần có chính sách hỗ trợ một phần chi phí học tập cho đối tượng học sinh này.

Mức hỗ trợ được thực hiện là 240.000 đồng/học sinh/tháng, nhằm góp phần hỗ trợ chi phí học tập, sinh hoạt cho học sinh; giảm bớt khó khăn cho gia đình, tạo điều kiện để học sinh duy trì việc học, hạn chế tình trạng bỏ học, nhất là đối với học sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc triển khai chính sách đã góp phần tích cực trong công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần và bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của học sinh dân tộc thiểu số. Chính sách hỗ trợ đã tạo thêm động lực để học sinh yên tâm học tập, phụ huynh quan tâm hơn đến việc học của con em; đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.4. Chính sách: Hỗ trợ học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường

trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương; mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ:

- a) 80% mức lương cơ sở/người/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học.
- b) Hỗ trợ một lần tiền mua đồ dùng cá nhân ở nội trú: 1.000.000 đồng/người/khóa.
- c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000 đồng/người/năm.

Thực tế hiện nay, tỉnh Gia Lai có nhiều học sinh, sinh viên DTTS có nhu cầu học nghề, phải ở nội trú hoặc thuê trọ xa nhà để theo học tại các trường cao đẳng, trung cấp. Tuy nhiên, nhóm đối tượng này hiện không thuộc diện được hưởng chính sách nội trú theo văn bản quy định hiện hành, vì chính sách chỉ ưu tiên cho: học sinh, sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người khuyết tật; học sinh, sinh viên học tại trường PTDTNT hoặc tốt nghiệp từ PTDTNT. Ngoài ra, một số đối tượng đặc thù khác tham gia học nghề được hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia.

Đồng bào DTTS sinh sống chủ yếu ở khu vực nông thôn, miền núi; đời sống còn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, trình độ lao động chưa cao. Một bộ phận hộ gia đình có thu nhập bấp bênh, thiếu điều kiện tích lũy để đầu tư cho con em học tập dài hạn.

Khoảng cách phát triển giữa khu vực trung tâm đô thị với vùng sâu, vùng xa vẫn còn rõ nét; khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế, thông tin, thị trường lao động còn hạn chế.

Nhu cầu học nghề của thanh niên vùng đồng bào DTTS và miền núi có xu hướng tăng với những lý do:

- Nhu cầu tìm việc làm ổn định sau tốt nghiệp THCS, THPT;
- Mong muốn có nghề nghiệp để tăng thu nhập;
- Xu hướng chuyển dịch lao động khỏi khu vực nông nghiệp truyền thống;
- Nhu cầu tham gia lao động tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh;
- Nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,...

Ngoài ra, một số ngành nghề được người học quan tâm bao gồm: Điện dân dụng, điện công nghiệp; Cơ khí, hàn, sửa chữa máy nông nghiệp; May công nghiệp; Công nghệ ô tô, lái xe; Nông nghiệp công nghệ cao; Chăn nuôi, thú y; Chế biến nông sản; Nhà hàng, khách sạn, du lịch; Công nghệ thông tin cơ bản,...

Tuy nhiên, tỷ lệ tuyển sinh vào giáo dục nghề nghiệp của học sinh vùng DTTS vẫn chưa tương xứng tiềm năng và nhu cầu xã hội.

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề của địa phương, tuy nhiên phân bố chưa đồng đều; phần lớn tập trung tại thành phố, thị xã hoặc trung tâm huyện. Người học ở vùng sâu, vùng xa

phải di chuyển xa hoặc thuê trọ để theo học.

Chính vì thế, người học có hoàn cảnh khó khăn thực tế, sinh sống tại vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn nhưng không đủ điều kiện pháp lý để được hỗ trợ chi phí nội trú, ăn ở, đi lại khi tham gia học nghề.

2. Lý do cần có quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

- Góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em đến trường và duy trì sĩ số học sinh: đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì tỷ lệ chuyên cần, hạn chế tình trạng nghỉ học, bỏ học.

- Bảo đảm điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển toàn diện trẻ em: hỗ trợ tiền ăn góp phần cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em mầm non, nâng cao thể trạng, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, tạo điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

- Góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phổ cập giáo dục: chính sách hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để địa phương duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng miền: việc hỗ trợ cho trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi góp phần bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, tạo điều kiện để người học ở vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách giáo dục tương đồng với các khu vực thuận lợi hơn.

- Bảo đảm quyền học tập và tiếp cận giáo dục nghề nghiệp của công dân: Điều 39 Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền học tập, Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và tạo điều kiện để mọi người được học tập. Trên thực tế, học sinh, sinh viên là người DTTS tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vẫn gặp nhiều rào cản về điều kiện kinh tế, khoảng cách địa lý, chi phí ăn ở, đi lại khi tham gia học nghề. Nếu không có chính sách hỗ trợ phù hợp thì quyền tiếp cận giáo dục nghề nghiệp của nhóm đối tượng này khó được bảo đảm đầy đủ.

- Khắc phục những khoảng trống pháp lý hiện hành: các chính sách hiện nay chủ yếu tập trung hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật hoặc học sinh tại trường phổ thông dân tộc nội trú. Trong khi đó, nhiều học sinh, sinh viên DTTS tuy không thuộc các diện trên nhưng vẫn có hoàn cảnh khó khăn thực tế, sinh sống tại địa bàn đặc biệt khó khăn, phải xa nhà để học nghề. Đây là nhóm đối tượng phát sinh nhu cầu xã hội rõ ràng nhưng chưa được pháp luật điều chỉnh đầy đủ. Vì vậy, cần có quy định mới để lấp đầy khoảng trống chính sách.

- Bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các nhóm người học: nhiều học sinh cùng là người DTTS, cùng cư trú tại xã đặc biệt khó khăn, nhưng chỉ vì không học tại trường PTDTNT hoặc không thuộc diện hộ nghèo nên không được hưởng hỗ trợ. Điều này dẫn đến chênh lệch trong cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp giữa các nhóm có điều kiện thực tế tương đồng. Việc ban hành quy định

pháp luật mới sẽ góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, công bằng trong thụ hưởng chính sách.

- Nâng cao hiệu quả công tác phân luồng và phát triển nguồn nhân lực địa phương: Đảng và Nhà nước xác định đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, nếu thiếu chính sách hỗ trợ thì học sinh DTTS khó lựa chọn học nghề. Việc có cơ chế hỗ trợ sẽ khuyến khích người học tham gia đào tạo nghề, tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững.

- Góp phần thực hiện chính sách dân tộc và an sinh xã hội: hỗ trợ học nghề cho thanh niên DTTS không chỉ là chính sách giáo dục mà còn là chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội. Khi người học có nghề nghiệp ổn định sẽ tạo việc làm, tăng thu nhập, hạn chế tái nghèo, nâng cao dân trí và ổn định đời sống vùng đồng bào DTTS, miền núi.

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho tổ chức thực hiện: nếu không có văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, việc hỗ trợ chỉ mang tính vận dụng hoặc thực hiện không đồng bộ giữa các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Quy định pháp luật rõ ràng sẽ xác định cụ thể đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí, trách nhiệm cơ quan thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát; từ đó bảo đảm tính minh bạch, khả thi và hiệu quả.

3. Thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để có căn cứ pháp lý trong triển khai thực hiện chế độ chính sách cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết: *“quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai”*.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nam

Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>1. Hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>2. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>3. Hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú: 240.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>4. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo</p>	<p>- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.</p> <p>- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> <p>- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó định hướng nhiều giải pháp để thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, đảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.</p> <p>- Nghị quyết số 71-NQ/TW</p>	<p>Đã thể chế đầy đủ</p>	<p>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết</p>

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>quy định của Trung ương; mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ:</p> <p>a) 80% mức lương cơ sở/người/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học.</p> <p>b) Hỗ trợ một lần tiền mua đồ dùng cá nhân ở nội trú: 1.000.000 đồng/người/khóa.</p> <p>c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000 đồng/người/năm.</p> <p>5. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.</p> <p>6. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026-2027.</p>	<p>ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.</p>		

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>1. Hỗ trợ thêm tiền ăn trưa đối với trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>2. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng</p>	<p>1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;</p> <p>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;</p> <p>3. Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;</p> <p>4. Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm</p>	<p>Đảm bảo hợp hiến, hợp pháp và thống nhất</p>	<p>Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết</p>

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiển, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>3. Hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú: 240.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.</p> <p>4. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương; mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ:</p> <p>a) 80% mức lương cơ sở/người/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học.</p> <p>b) Hỗ trợ một lần tiền mua đồ dùng cá nhân ở nội trú: 1.000.000 đồng/người/khóa.</p> <p>c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000 đồng/người/năm.</p> <p>5. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.</p> <p>6. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026-2027.</p>	<p>2030.</p> <p>5. Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc Tây Nguyên”.</p> <p>6. Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2025–2030.</p> <p>7. Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.</p> <p>8. Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;</p> <p>9. Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá</p>		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiển, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<p>phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.</p> <p>10. Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030”.</p>		

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ